TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2025.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 417/2024/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị L, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn 9, xã Vụ V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nịnh Văn A, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K vào ngày 12/02/2007.

Sau khi về chung sống với nhau theo bà L, thời gian đầu vợ chồng ông bà sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông A không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông

bà đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông A tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nịnh Văn T, sinh ngày 25/11/2005 và cháu Nịnh Thị D, sinh ngày 07/12/2008. Hiện nay, cháu D đang sống cùng với ông A nên bà L đồng ý giao cháu D cho ông A nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nịnh Văn T, hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nịnh Văn A không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Tô Thị L được ly hôn với ông Nịnh Văn A.

Về con chung: Giao con chung cháu Nịnh Thị D sinh ngày 07/12/2008 cho anh Nịnh Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Tô Thị L, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L khởi kiện xin ly hôn với ông A có nơi cư trú tại thôn 9, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông A không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông A vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho ông A. Tại phiên tòa hôm nay, ông A vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cấp ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện K. Quá trình tham gia tố tụng bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Ông A không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Ông Nịnh Văn A hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương. Trong quá trình vợ chồng ông Nịnh Văn A và bà Tô Thị L sinh sống tại địa phương vợ chồng ông bà sinh sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ông bà cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Đối với cháu Nịnh Thị D hiện đang sống với ông Nịnh Văn A.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông A đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện và cho bà L được ly hôn với ông A.

Về con chung: Cháu Nịnh Thị D sinh ngày 07/12/2008 đang sống với ông Nịnh Văn A. Từ nhỏ đến lớn cháu D đều sống với ông A ở thôn 9, xã V. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển của con chung, cần giao cháu Nịnh Thị D sinh ngày 07/12/2008 cho ông Nịnh Văn A nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, là phù

hợp. Đối với cháu Nịnh Văn T sinh ngày 25/12/2005 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

Bà Tô Thị L được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Tô Thị L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L là dân tộc thiểu số, sinh sống ở V thuộc xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà L được miễn nộp tiền án phí.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Tô Thị L được ly hôn với ông Nịnh Văn A.

Về con chung: Giao cháu Nịnh Thị D sinh ngày 07/12/2008 cho ông Nịnh Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Bà Tô Thị L được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Tô Thị L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tô Thị L không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Tô Thị L không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Trả lại cho bà Tô Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006149 ngày 22/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *THADS huyện Krông Pắc;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã V;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang